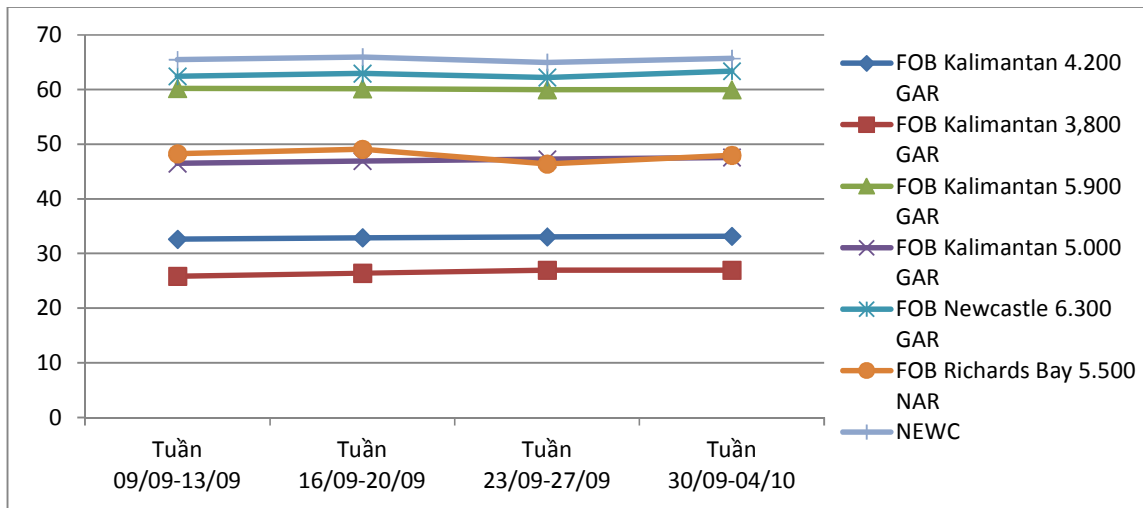


## I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

### 1. GIÁ THAN KHU VỰC

*Đơn vị tính: USD/tấn*

Chỉ số giá than khu vực	Tuần 09/09-13/09	Tuần 16/09-20/09	Tuần 23/09-27/09	Tuần 30/09-04/10
FOB Kalimantan 4,200 GAR	32,61	32,89	33,06	33,15
FOB Kalimantan 3,800 GAR	25,86	26,4	26,92	26,91
FOB Kalimantan 5,900 GAR	60,2	60,12	59,96	59,98
FOB Kalimantan 5,000 GAR	46,5	46,94	47,22	47,58
FOB Newcastle 6,300 GAR	62,44	62,95	62,2	63,38
FOB Richards Bay 5,500 NAR	48,22	49,06	46,37	47,94
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	65,48	65,94	64,99	65,70



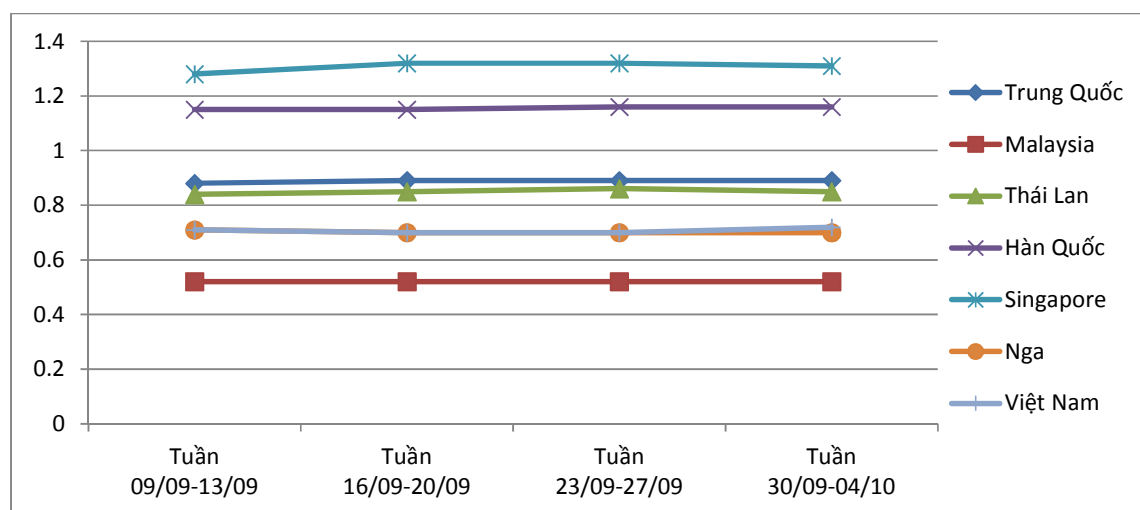
**Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 10 (2019)**

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

## 2. GIÁ DẦU DO KHU VỰC

Đơn vị: USD/lít

Chỉ số giá dầu DO quốc tế	Tuần 09/09-13/09	Tuần 16/09-20/09	Tuần 23/09-27/09	Tuần 30/09-04/10
Trung Quốc	0,88	0,89	0,89	0,89
Malaysia	0,52	0,52	0,52	0,52
Thái Lan	0,84	0,85	0,86	0,85
Hàn Quốc	1,15	1,15	1,16	1,16
Singapore	1,28	1,32	1,32	1,31
Nga	0,71	0,7	0,7	0,7
Việt Nam	0,71	0,7	0,7	0,72



Biểu đồ 2: Giá dầu DO trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 10 (2019)

(Nguồn: <https://www.globalpetrolprices.com>)

## 3. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

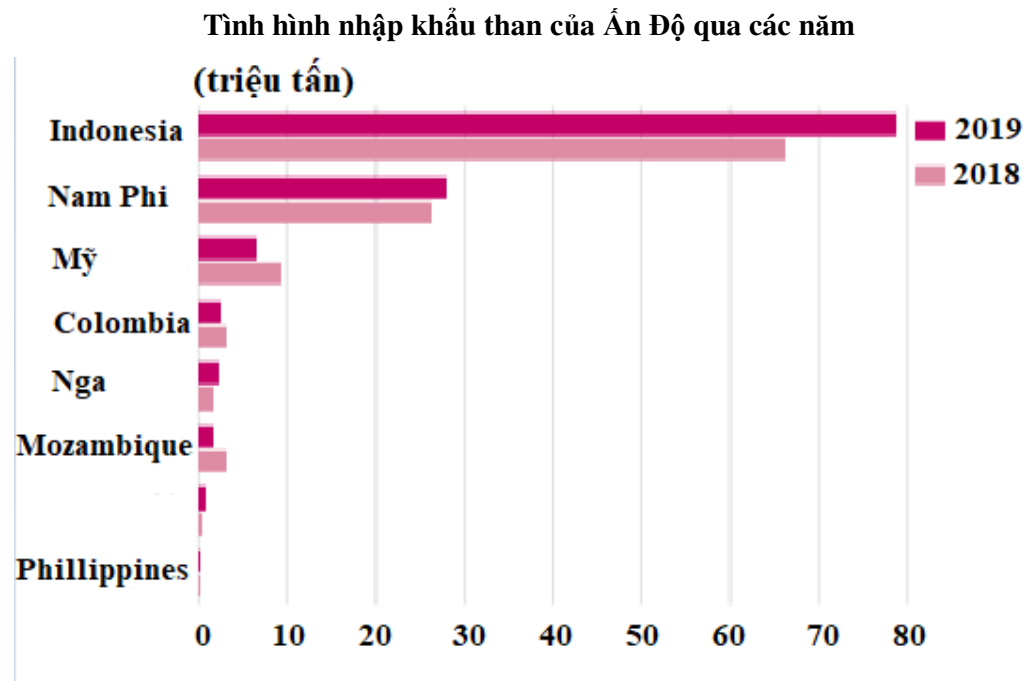
	Cước vận tải tuần 1 tháng 10	30/09	01/10	02/10	03/10	04/10
<b>Tàu Capesize (150,000 tấn)</b>						
1	Úc – Trung Quốc	10,70	11,40	11,50	10,95	11,25
2	Queensland – Nhật Bản	12,35	13,05	13,20	12,65	13,00
3	New South Wales – Hàn Quốc	13,25	14,00	14,15	13,50	13,85
<b>Tàu Panamax (70,000 tấn)</b>						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	15,95	15,80	14,30	14,30	14,20
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	9,75	9,60	9,60	9,75	9,55
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	16,35	16,20	14,70	14,70	14,60
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	8,10	8,05	8,05	8,20	8,00
5	Úc - Trung Quốc	14,25	14,00	14,00	14,00	13,90
6	Úc - Ấn Độ	14,95	14,45	14,35	14,35	14,15

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## II. ĐIỂM TIN

### Khối lượng than nhập khẩu trong tháng 8 của Ấn Độ giảm mạnh so với năm ngoái

Khối lượng than và cốc nhập khẩu của Ấn Độ trong tháng 8 đạt tổng cộng 20 triệu tấn, giảm 7,8% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu từ Iman Resources. Khối lượng than nhập khẩu trong tám tháng đầu năm nay đạt 175,5 triệu tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù chững lại trong tháng 8 nhưng khối lượng than nhập khẩu của Ấn Độ trong năm nay vẫn đang trên đà vượt qua con số năm ngoái do nước này chủ trương tăng cường nhập khẩu than nhiệt và cốc. Tổng khối lượng than nhiệt nhập khẩu trong tháng 8 đạt 13,3 triệu st, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm trước. Phần lớn khối lượng than nhiệt nhập khẩu của Ấn Độ trong tháng 8 đến từ Nam Phi và Indonesia, lần lượt đạt 3,5 và 8,3 triệu tấn. So với cùng kỳ năm trước, khối lượng than Nam Phi giảm 7,6% và Indonesia giảm 11,9%. Tổng cộng hai nước này cung cấp khoảng 87% lượng than nhiệt nhập khẩu của Ấn Độ trong tháng 8, trong khi Mỹ cung cấp 409.776 tấn, khoảng 3% tổng khối lượng và giảm 42,6% so với cùng kỳ năm trước.



Qua tám tháng đầu năm, khối lượng than nhiệt nhập khẩu vào Ấn Độ đạt tổng cộng 120,6 triệu tấn, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong giai đoạn này, Ấn Độ đã nhập khẩu hơn 66 triệu tấn than nhiệt của Indonesia, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước, trong khi Nam Phi cung cấp 26 triệu tấn, tăng 7,3% so với năm ngoái. Tổng khối lượng than Mỹ nhập khẩu đạt 6,4 triệu tấn trong giai đoạn này, giảm 30,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó 78% đến từ khu vực Bắc Appalachia, 20% từ Illinois và 1,6% từ Powder River, so với 68,7%, 30% và 1,3% cùng kỳ năm trước. Khối lượng than Nga nhập khẩu tám tháng đầu năm nay đã tăng 40,7% lên khoảng 2,3 triệu tấn do các nhà máy điện Ấn Độ chuyển từ sử dụng than Úc sang than Nga. Khối lượng than Úc trong tám tháng đầu năm nay giảm 22% so với năm trước xuống còn khoảng 2,5 triệu tấn.

### Citi dự báo triển vọng thị trường than trong quý IV và năm 2020

Theo dự báo của Citi, triển vọng của thị trường than nhiệt trong quý IV cũng như cho cả năm 2020 khá ảm đạm do nhu cầu sử dụng điện toàn cầu thấp và giá khí đốt giảm. Các nhà phân tích cho rằng nhu cầu điện toàn cầu giảm và giá khí giảm sẽ tiếp tục hạn chế nhu cầu sử dụng than, trong khi nguồn cung từ Ấn Độ, Colombia và Nam Phi đều tăng, mặc dù giá thấp, sẽ khiến thị trường than dư cung vào năm 2020. Ở Trung Quốc, nguồn cung trong nước cũng tăng cao vượt cầu, khiến giá chịu áp lực giảm, dù vậy nhu cầu nhập khẩu than vẫn khá cao do giá than quốc tế còn giảm mạnh hơn so với giá trong nước.

Theo số liệu của S&P Global Platts, giá than nhiệt Trung Quốc 5.500 kcal/kg NAR giao lẻ dao động trong khoảng 580-620 NDT/tấn FOB Qinhuangdao trong năm nay. Các nhà phân tích lưu ý

rằng Đông Nam Á vẫn là động lực thúc đẩy nhu cầu than nhờ việc xây dựng các nhà máy điện than mới, bao gồm một nhà máy công suất 2 GW ở Malaysia trong nửa cuối năm 2019. Khối lượng than nhiệt nhập khẩu của Ấn Độ trong nửa đầu năm nay đã tăng vọt hơn 21% so với cùng kỳ năm ngoái do nhu cầu lớn từ các nhà máy điện, trong khi khối lượng than sản xuất trong nước vẫn thấp, một phần do mưa lớn ở phía tây Ấn Độ và vấn đề an toàn tại một số mỏ. Tuy nhiên, các nhà phân tích cho biết, sự giảm tốc kéo dài của nền kinh tế vĩ mô và nhu cầu sụt giảm do yếu tố thời tiết gần đây có thể ảnh hưởng đến sản xuất điện và làm giảm nhu cầu nhập khẩu than. Trong khi đó sự giảm tốc của các nền kinh tế phát triển, bao gồm cả EU và Mỹ, có thể gây ra ảnh hưởng lớn hơn sự tăng trưởng tại các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.

*(Nguồn: S&P Global Platts)*

### **Brazil hưởng lợi từ cuộc khủng hoảng nguồn cung dầu Saudi**

Các cuộc tấn công vào cơ sở hạ tầng sản xuất dầu quan trọng của nước xuất khẩu dầu hàng đầu thế giới Ả Rập Saudi có thể mang lại lợi ích cho Brazil, một nước không thuộc OPEC, cũng như không phải thực hiện thỏa thuận cắt giảm sản lượng của OPEC+ và đang hướng tới thúc đẩy sản xuất dầu và thăm dò một số khu vực tiềm năng. Theo các nhà phân tích và đầu tư thị trường mới nổi, với rủi ro tại các nước Trung Đông ngày càng tăng, các nhà đầu tư và khách hàng có thể chuyển sang các quốc gia sản xuất dầu cách xa Vịnh Ba Tư. Nhà đầu tư kỳ cựu Mark Mobius của Mobius Capital Partners cho biết: “Tôi nghĩ rằng mọi người đang bắt đầu nghĩ tới việc tìm đến Brazil hoặc Mexico để mua dầu. Nếu nhìn vào trữ lượng dầu mà Brazil đang sở hữu, có thể thấy rằng họ có tiềm năng phát triển trong lĩnh vực này”.

Sau một thời gian trì hoãn, Brazil đã tăng cường sản xuất dầu và chất lỏng trong hai tháng qua và là nước xuất khẩu dầu ngoài OPEC có tốc độ tăng trưởng lớn thứ hai trong năm nay, chỉ sau Hoa Kỳ. Các cuộc tấn công ở Ả Rập Saudi cũng hướng sự quan tâm của thị trường đến các cuộc đấu giá khai thác dầu dự kiến sẽ được tổ chức trong vài tháng tới tại Brazil. Diện tích thăm dò và khám phá thêm những mỏ dầu mới rất quan trọng đối với nguồn cung dầu của Brazil với khả năng tăng trưởng đến 70% lên 4,4 triệu bpd vào năm 2035 so với năm 2018. Theo McKinsey&Company: “Triển vọng dầu mỏ của Brazil đến năm 2035 sẽ phụ thuộc nhiều vào việc nước này có thể mở cửa để thăm dò và phát triển các mỏ dầu mới hay không. Các công ty khác ngoài Petrobras đã sẵn sàng để chiếm lĩnh một vai trò lớn trong việc thực hiện các khoản đầu tư này”.

Theo Báo cáo thị trường Dầu hàng tháng của OPEC trong tháng 9, sản lượng dầu của Brazil trong năm nay sẽ tăng thêm 180.000 bpd so với năm ngoái và thêm 290.000 bpd trong năm 2020. Sản lượng dầu thô dự kiến sẽ tăng từ 320.000 bpd đến 360.000 bpd trong nửa cuối năm nay so với nửa đầu năm 2019, nguyên nhân do trì hoãn thực hiện các dự án và hoạt động bảo trì khiến sản lượng giảm. Theo OPEC, ước tính hơn 80% sản lượng dầu bổ sung sẽ đến từ các dự án mới vào năm 2020 tại các khu vực Búzios (x-Franco), Lara và Lula. Bất chấp sự tăng trưởng ở Trung Đông, Brazil có cơ hội tăng đáng kể sản lượng dầu của mình nếu môi trường đầu tư và pháp luật đủ hấp dẫn cho các khoản đầu tư lớn.

*(Nguồn: <https://oilprice.com/Energy/General/The-Biggest-Winner-In-The-Saudi-Oil-Supply-Crisis.html>)*